

# MẪU THƯỢNG NGÀN: SỰ THAM GIA CỦA TÍN NGŨƠNG CÁC TỘC NGƯỜI THiểu SỐ VÀO ĐIỆN THẦN TỨ PHỦ

NGUYỄN THỊ YÊN

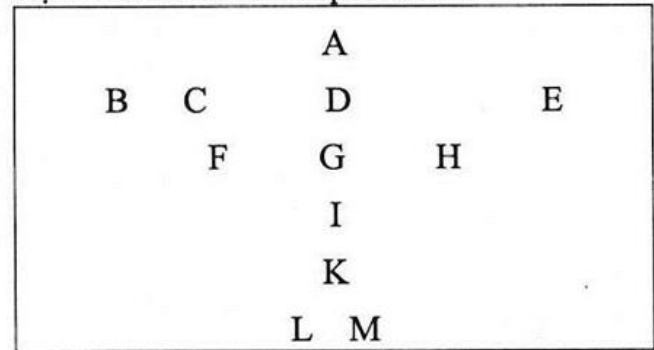
Trong tam tòa Thánh Mẫu của điện thần tứ phủ, Mẫu Thượng ngàn được nhận biết qua bộ trang phục màu xanh. Ngoài ra, ở hầu hết các đền phủ đều có cung sơn trang thường đặt ở bên trái ban thờ chính. Dâng lễ sơn trang để cầu tài lộc là một trong những thủ tục quan trọng trong nghi lễ tứ phủ của người Kinh. Vậy cội nguồn lịch sử của tục thờ Mẫu Thượng ngàn là gì? Tại sao lại có cung sơn trang trong điện thần tứ phủ? Sự thờ phụng cung sơn trang có liên quan gì đến tín ngưỡng của các tộc người thiểu số ở Việt Nam? Đó chính là những câu hỏi mà chúng tôi đặt ra trong nghiên cứu này. (\*)

## 1. Sự kết tập tín ngưỡng của các tộc người thiểu số vào điện thần tứ phủ

- Về điện thần tứ phủ: Điện thần tứ phủ là của các ông bà đồng được xây dựng trên cơ sở điện thần tam phủ của các thầy pháp sư. Điện thần tam phủ về khởi thủy không có tượng gồm các bát hương chính: 1) Phật; 2) Pháp (Vua cha Ngọc Hoàng, Trần triều, Đức Ông Cửa Suốt); 3) Nam Tào và Bắc Đẩu; 4) Hạ ban (Ngũ hổ).

Điện thần tứ phủ cũng gồm các bát hương nói trên, bổ sung thêm các ban: tam tòa Thánh Mẫu, vua cha Bát Hải, tứ vị châu

bà, ngũ vị tôn quan; tứ phủ ông Hoàng; cung sơn trang, hai ông lốt và các ban Cô, Cậu theo sơ đồ khái quát sau<sup>(1)</sup>:



A: Phật

E: Trần triều

I: Tam tòa  
Thánh Mẫu

B: Sơn trang

F: Tứ phủ  
Ông Hoàng

K: Công đồng

C: Tứ phủ  
Thánh châu

G: Vua cha  
Bát Hải

L: Hạ ban (Ngũ  
hổ)

D: Vua cha  
Ngọc Hoàng

H: Ngũ vị  
tôn quan

M: Hạ ban  
(2 ông lốt)

Về bài trí điện thần là như vậy nhưng nếu căn cứ vào văn công đồng thì hệ thống thần linh trong tứ phủ còn đông đảo hơn rất nhiều. Cụ thể, ngoài các các vị cơ bản nói trên, trong bản văn công đồng còn có: 1) Hệ thống vua tứ phủ gồm vua Thiên (vua Đế Thích, vua Ngọc Hoàng); vua Dương gian (Ngũ nhạc thần vương); vua Địa phủ (Thập điện minh vương các tòa); vua Thoải phủ (Động Đình Bát Hải Long Vương); 2) Nam Tào - Bắc Đẩu và Nhị thập bát tú; 3) Mẫu: Cửu trùng Thánh Mẫu thiên đình và bán thiên công chúa Quế - Quỳnh hai bên; Cờ môn tứ vị vua bà; 4) Thập nhị niên vương, đương cảnh Thành hoàng; 5) Tiên hậu Lê triều thánh tổ; 6) Thủ đền công chúa; 7) Ba mươi sáu cung tiên thần nữ; 8) Tứ pháp: Vân, Vũ, Lôi, Điện; 9) Cô, cậu; 10) Thổ công bản xứ, hà bá sơn kì; 11) Thiên binh lục sĩ; 12) Âm binh<sup>(2)</sup>.

Như vậy, điện thần tứ phủ là tập hợp các vị thần linh ở các vùng miền trên đất

nước cộng với các vị thần địa phương nơi bản đền. Căn cứ vào bản văn thì Thánh tổ của điện thần tứ phủ là thuộc về triều Lê. Như vậy, bản văn công đồng này gắn với tín ngưỡng Liễu Hạnh xuất hiện vào thời Lê, thế kỉ XVI, XVII.

Tuy nhiên, trong một bản văn công đồng khác (ít sử dụng hơn) lại có hệ thống điện thần như sau: 1) Phật Thích Ca; 2) Phật bà Quan âm; 3) Thánh Mẫu Thủy tiên; 4) Mẫu Thượng thiên; 5) Ngọc Hoàng (Tam Thanh); 6) Tản Viên Thánh cả; 7) Nam Tào - Bắc Đẩu; 8) Bản thổ - Hà bá; 9) Huyền Đàn - Độc Cước; 10) Mẫu Diêu Trì; 11) Chư tiên công chúa<sup>(3)</sup>. Căn cứ vào lời văn “Mời khắp tam phủ, giáng lai đền rồng” thì điện thần này thuộc miền thượng, các vị thần bản địa đều có xuất xứ miền núi. Ngoài Thánh Tản Viên ở Sơn Tây và Thánh Mẫu Thủy tiên ở đền Giùm, Tuyên Quang ra thì Mẫu Thượng thiên theo giải thích của các thanh đồng là gắn với Mẫu Tây Thiên ở Tam Đảo, Vĩnh Phúc. Hiện nay, một số đền thờ tứ phủ ở Sơn Tây, Hòa Bình vẫn còn thờ Thánh Tản. Chẳng hạn, đền Quan Tam ở thôn Vị Thủy, xã Thanh Mỹ, thị xã Sơn Tây có thờ tranh Thánh Tản ở góc trái; đền Mẫu chùa Phật Quang ở đồi Ba Vành, phường Tân Thịnh, thành phố Hòa Bình có đặt tượng Thánh Tản bên cạnh Đức thánh Trần. Ta biết rằng Thánh Tản được thờ với tư cách là thần núi ở các gia đình người Mường đồng thời là vị thần chủ trong điện thần của các thầy cúng mo, mỗi, trượng người Mường.

Qua so sánh thì các vị thần Đạo giáo trong điện thần tứ phủ này tương tự điện thần của các ông thầy tào (tức thầy “đạo”) Tày, Nùng ở các tỉnh miền núi Đông Bắc mà ở đó Huyền Đàn và Phật bà Quan âm được thờ phổ biến với tên gọi biến âm là

“Yìn Tàn” và “nàng Cuôn Diêm”<sup>(4)</sup>. Về dấu vết người Tày, Nùng ở khu vực Tây Thiên, chúng tôi đã trình bày trong các nghiên cứu trước đây, theo đó thì họ Lăng ở xã Đại Đình, Tam Đảo là thuộc tộc người Nùng đã có một quá trình cư trú rồi Kinh hóa ở vùng này từ trước thế kỉ XVII<sup>(5)</sup>.

Lần ngược trở lại vùng cư trú của người Tày, ta lại thấy có hiện tượng “then hóa” hình thức cúng phủ thủy của người Kinh, điển hình là then Cao Bằng. Chẳng hạn, dòng then nam (dàng) ở huyện Quảng Uyên, tỉnh Cao Bằng có thờ các vị tướng nghề miền xuôi khi nhập đồng nói tiếng Kinh, trong đó ba vị tướng chính mang tên ba ngọn núi (*Phya Cẩm* - núi tím, *Phya Khao* - núi trắng, *Phya Deng* - núi đỏ) có lẽ đã được hình tượng hóa thành chiếc mũ then có hình ba ngọn núi (tam nhạc) của người Tày Cao Bằng. Một điều ghi nhận nữa là trong danh mục công tướng của dòng then này cũng hội đủ các yếu tố của một điện thần tam phủ có gốc tích từ miền xuôi<sup>(6)</sup>.

Vậy phải chăng dòng then này có gốc tích tổ nghề từ vùng núi Tam Đảo, Vĩnh Phúc? Trong lời hát của then ở đây, chúng tôi có tìm thấy một số câu nhắc đến địa danh Tam Đảo với nghĩa là “mường Tam Đảo”. Chẳng hạn, trong mục “Gọi sông (phu) đá hoa” có câu: *Sui thâng ruông dù bán Lịch Sơn/ Sui thâng ruông dù mường Tam Đảo* (dịch là: Gọi đến sông ở bản Lịch Sơn/Gọi đến sông ở mường Tam Đảo)<sup>(7)</sup>. Điểm đáng lưu ý là đường lên cửa các tướng nghề ở mường Trời trong các đại lễ các thầy then phải vượt qua ba con sông lớn (Năm Lâu, Năm Pé, Năm Róng/hoặc Năm Yếm) mà chúng tôi ngờ rằng đó là biểu tượng về ba con sông lớn thuộc vùng cư trú của người Tày - Thái cổ là sông Lô,

sông Đà và sông Hồng. Trong các nghi lễ then, mục này được gọi là “Khâm hải” (vượt biển) nhưng qua miêu tả thì lại là cảnh lên thác xuống ghềnh giống như vượt các con sông lớn khiến không ít người băn khoăn không hiểu tại sao ở vùng người Tày lại có biển.

Theo sơ đồ đường đi (tường tượng) của các thầy then Quảng Uyên, Cao Bằng thì phủ tướng và cung mẹ Hoa ở vị trí đối xứng qua ngã ba nơi có “Năm Lâu” là con sông mà từ đó các thầy sẽ lên thuyền đi cống sứ mẹ Sứ ở Bắc Kinh, Trung Quốc trong lễ chữa bệnh<sup>(8)</sup>. Phải chăng ngã ba đó là ngã ba Bạch Hạc và “Năm Lâu” là sông Thao tức sông Hồng còn cung mẹ Hoa là khu vực Tây Thiên, Tam Đảo, phủ tướng là đền thờ tam vị thánh Tản ở núi Ba Vì?

Trong một nghiên cứu gần đây nhất, cố tác giả Cẩm Trọng có đưa ra các cứ liệu chứng minh vùng đất quê hương xa xưa của người Thái Tây Bắc thuộc “Bảy vùng đất” nơi “nước có chín dòng” (chín dòng sông) được ghi lại trong *Quám tổ mừng* (chuyện kể bản mừng) chính là vùng đất được quy về điểm hội tụ là “đất ba hòn” (*hin xam xáu*) và “cửa Đà - Thao” (*Pák Te - Tao*). Theo ông thì cửa Đà Thao thuộc khu vực ngã ba Bạch Hạc nơi con sông Đà gặp sông Thao (sông Hồng), còn *hin xam xáu* (đất ba hòn) được người Tày Trắng ở Vị Xuyên (Hà Giang) gọi là *Phya Vi*, người Thái Đen ở Tây Bắc gọi là *Pha Vi*, đều có nghĩa là Ba Vì, đồng thời họ cũng thống nhất cho rằng đất ấy có núi Ba Hòn tức Tam Đảo vì nghĩa của “Xam Xáu” là “ba (tam) đảo”<sup>(9)</sup>.

Về quá trình then hóa ngành cúng phủ thủy của người Kinh ở vùng người Tày, chúng tôi đã trình bày ở các nghiên cứu về then và tín ngưỡng dân gian Tày, Nùng. Theo đó thì quá trình giao lưu xuôi ngược

là nguyên nhân cơ bản làm biến đổi các hình thức cúng bái của người Tày, Nùng ở vùng người Kinh và ngược lại<sup>(10)</sup>. Chẳng hạn, điện thờ của ông then Nguyễn Đình M. ở xã Thanh Vận, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Cạn hiện vẫn giữ kết cấu điện thờ tam phủ với ba cấp: Phật - Tam phủ - Tổ sư nhưng theo giải thích của ông M thì “tam phủ tương đương với việc cầm quân ba huyện, tứ phủ tương đương với bốn huyện”. Được biết dòng họ Nguyễn Đình của ông M. từ miền xuôi lên Bắc Cạn được chín đời thì có tới tám đời làm nghề thầy cúng. Như vậy, khái niệm “tam phủ, tứ phủ” khi lên miền núi đã có ý nghĩa khác hẳn so với ở miền xuôi.

Ta cũng biết rằng then có cả ở người Thái Trắng Tây Bắc và người Tày Đông Bắc mà điểm chung là ở chiếc mũ đội đầu hình tam nhạc. So với then Tày thì then của người Thái Trắng còn bảo lưu nhiều dấu ấn cổ sơ hơn<sup>(11)</sup>.

Tất cả những gì đã trình bày cho thấy rất có thể từ xa xưa Tam Đảo và Ba Vì đã từng là hai trung tâm tôn giáo, tín ngưỡng trong thế đối sánh mẹ (Tây Thiên) và cha (Ba Vì) hiện vẫn được các thầy cúng người Tày gốc Kinh thờ phụng với tư cách là tướng nghề, tổ nghề. Vậy Quốc Mẫu Tây Thiên hoặc Chúa đệ nhất Tây Thiên là một và đại diện cho dòng vu thuật nữ có tên gọi là “sliên” (tiên) và then của người Tày - Thái cổ ở khu vực này. Điều đó cũng trùng hợp với truyền thuyết đình Tây Thiên là nơi quân tiên tụ hội, xưa vua Hùng từng về cầu vợ rồi gặp và cưới cô tiên nữ giáng sinh họ Lăng (Lăng Thị Tiêu) làm vợ. Phải chăng từ lí do này mà Mẫu Tây Thiên với tư cách là vị thần chủ của trung tâm thờ tiên của người Tày - Thái cổ đã được kết tập vào điện thần tứ phủ vừa với tư cách là Mẫu

Thượng thiên lại vừa với tư cách là Chúa đệ nhất thượng ngàn? Đây cũng là một minh chứng cho nhận định của chúng tôi coi Tây Thiên là một cái nôi của sự hình thành và biến đổi tục thờ Mẫu ở miền thượng<sup>(12)</sup>.

Trong tiếng Tày, Nùng, “then” là tên gọi biến âm của “thiên”, chỉ người trên mừng Trời. Vậy Mẫu Tây Thiên là bà mẹ trời - mẹ thiên/then ở phía tây.

Về mối liên hệ giữa núi cha Thánh Tản và mẹ Tây Thiên có thể tìm thấy qua câu chuyện “bà mẹ nuôi” của Thánh Tản là Ma Thị Cao Sơn, bà Mẫu Thượng ngàn sớm nhất được gọi theo họ. Họ Ma cũng như vùng đất bà cai quản từ Tuyên Quang về Tam Đảo gọi cho ta về thành phần tộc người Tày - Thái của bà. Câu chuyện Thánh Tản Viên được bà trao quyền thừa kế cai quản cả một vùng núi rừng rộng lớn từ Tuyên Quang về đến Sơn Tây là cách nói ẩn ý về sự ra đời dòng cúng nam giới học nghề theo sách thay thế cho dòng nữ giới thờ tiên. Điều này cũng phù hợp với quan niệm của người Tày - Thái coi quan hệ thầy trò trong nghề cúng là quan hệ cha mẹ (nuôi) với con cái, bà Ma Thị Cao Sơn được phối thờ trong điện thờ thánh Tản là theo nghĩa đó. Cũng như vậy, trên đỉnh Mẫu của núi Tản Viên có pho tượng Đức địa mẫu trong trang phục phụ nữ Thái cùng với tượng Mẫu Cửu trùng có lẽ là hai hóa thân của bà.

Trong một cuốn sách viết về lương y Nguyễn Đức Cẩn ở làng Đại Yên (phường Ngọc Hà, quận Ba Đình, Hà Nội) có kể rằng năm 1926, sau khi theo ông thầy tu luyện ở đỉnh Mẫu (núi Tản Viên) rồi sang Thượng Lào trở về, ông Cẩn có xây điện thờ Mẫu Thượng thiên trong vườn rồi lên Mai Châu đón một hội hát then về mở hội then ở nhà ba ngày liền<sup>(13)</sup>. Hiện nay, ở Mai

Châu không còn then nữa nhưng qua tư liệu này cho thấy ở đầu thế kỉ XX then của người Thái vẫn còn phổ biến ở tỉnh Hòa Bình và được người miền xuôi đón nhận.

Mẫu Thượng thiên còn gọi là Mẫu Cửu trùng thiên được biết đến với bộ trang phục màu đỏ. Ngoài Tây Thiên và đình Mẫu Ba Vì ra thì hiện có hai ngôi đền cổ thờ Mẫu Cửu trùng là đền Mẫu Đồng Đăng ở Lạng Sơn và đền Mẫu Cửu trùng ở thôn Bằng Sở, xã Ninh Sở, huyện Thường Tín, Hà Nội. Xu hướng chung hiện nay là kết tập Mẫu Liễu vào Mẫu Cửu trùng. Chẳng hạn, theo các thông tin quảng cáo du lịch trên mạng thì pho tượng Mẫu Cửu trùng đặt ngoài cùng trong đền Mẫu Đồng Đăng là Chúa Liễu gắn với tích Chúa Liễu gặp trạng Bùng ở Lạng Sơn<sup>(14)</sup>. Ở Bằng Sở, người ta giải thích Mẫu Cửu trùng thiên cũng là Mẫu đệ nhất thiên tiên và cũng là Cửu trùng thánh Mẫu. Một cách hiểu khác thì Mẫu Cửu trùng có trước, Mẫu Liễu là hóa thân của Mẫu Cửu trùng. Có lẽ từ lí do này mà Mẫu Cửu trùng vốn được thờ ở ngoài trời lại được đưa vào điện thờ trong nhà?

- Về Mẫu Thượng ngàn: Mẫu Thượng ngàn trong điện thần tứ phủ được nhận biết qua dấu hiệu màu xanh của bộ trang phục. Qua các bản văn châu cho thấy có mấy cách hiểu về ngôi vị này như sau:

*Thứ nhất*, Mẫu Thượng ngàn là Mẫu đệ nhị trong tam tòa Thánh Mẫu (Sơn lâm chúa tiên) được thờ ở đền Đông Công xứ Tuyên trong mối tương quan với Mẫu đệ nhất Phủ Dầy (đệ nhất thiên tiên) và Mẫu đệ tam thoải phủ (Thủy tinh chúa tiên). Đây là cách hiểu phổ biến thể hiện qua bản văn châu “tam tòa Thánh Mẫu văn” được sử dụng vào dịp tiệc đàn hoặc trước khi hầu đồng<sup>(15)</sup>. Bản văn này rất thiếu chính xác khi cho rằng Mẫu Đông Công là ở xứ Tuyên. Thực

ra, đền thờ Mẫu Đông Công là ở xã Đông Công, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

*Thứ hai*, Mẫu đệ nhị được đồng nhất với Mẫu Liễu Hạnh ở Phù Dầy: Tuy trong văn tam tòa Thánh Mẫu nói Mẫu Liễu Hạnh là đệ nhất thiên tiên nhưng ở các bài văn châu riêng cho từng ngôi vị thì ngoài ngôi vị Mẫu đệ tam thoải phù vẫn giữ nguyên sự tích thì Mẫu đệ nhất thiên tiên lại được gọi là “Cửu trùng Thánh Mẫu” ứng với Mẫu Tây Thiên ở Tam Đảo, Vĩnh Phúc qua các nội dung như cai quản “bát bộ tiên phi”, “áo xanh thay đổi áo hồng”, “Cối nam chính ngự ngai rồng”, “Áo thâm quạt trà ngự tới Tây cung”, “Thờ Phật, thờ Thánh trên tòa”...<sup>(16)</sup> Ngược lại, Mẫu Liễu Hạnh lại được gọi là Mẫu đệ nhị, trong sáu bản văn châu nói về sự tích Mẫu Liễu Hạnh thì có tới năm bản cho rằng Mẫu Liễu Hạnh là Mẫu đệ nhị thuộc hàng Mẫu Thượng ngàn, trong đó có một bản coi Mẫu Liễu Hạnh là địa tiên thánh Mẫu và xếp vào mẫu đệ nhị<sup>(17)</sup>. Được biết Mẫu Liễu Hạnh sinh hóa ở Phù Dầy nhưng lại hiển thánh ở vùng rừng núi Phố Cát, có lẽ vì vậy mà được coi là Mẫu đệ nhị?

*Thứ ba*, Mẫu Thượng ngàn gắn với tên gọi Lê Mại đại vương: Trong bản sưu tập của sách *Đạo mẫu Việt Nam* có tới ba bản văn nói về Mẫu Thượng ngàn Lê Mại đại vương, nội dung thống nhất về công lao giúp vua Lê đánh giặc. “Lê Mại” được các ông bà đồng giải thích là từ khác của “Cao Mại”, quê bà Chúa Lâm Thao ở Phú Thọ. Ta biết rằng trong các vị Mẫu Thượng ngàn thì chỉ có Mẫu Tây Thiên là có sự tích phò vua Lê diệt giặc. Nhìn chung, các bản văn về Mẫu Thượng ngàn Lê Mại đại vương có xu hướng kết tập các sự tích khác nhau của nhiều vị để tạo nên một hình tượng chung về Mẫu Thượng ngàn. Cụ thể là một trong

ba bản văn nói trên đã gộp tích Mẫu Tây Thiên phò vua Lê diệt giặc Liễu Thanh với Mẫu “Lê Mại chúa tiên” (chúa Lâm Thao, Phú Thọ) và Mẫu núi Giùm ở Tuyên Quang, cuối cùng là Mẫu Liễu Hạnh “Giáng sinh vào quý tộc Lê gia”<sup>(18)</sup>.

Theo truyền thuyết thì Mẫu Liễu Hạnh là tiên nữ trên trời con vua cha Ngọc Hoàng giáng sinh lần thứ nhất ở Phù Nấp và lần thứ hai ở Phù Dầy. Cả hai lần giáng sinh này đều liên quan đến giấc mơ tiên nữ cung trăng giáng nên ở Phù Nấp, Mẫu có tên là Phạm Thị Tiên Nga, ở Phù Dầy có tên là Giáng Tiên. Lần thứ ba giáng sinh ở Tây Mỗ, Mẫu có tên hiệu là Hoàng Thị Quế Hoa công chúa. Điều thú vị là ở cả ba lần giáng sinh, Mẫu đều có tên hiệu liên quan đến hoa (lần thứ nhất: Hồng Liên công chúa; lần thứ hai: Quỳnh Hoa công chúa; lần thứ ba: Quế Hoa công chúa). Nguồn gốc công chúa hoa của Mẫu, đặc biệt là tên gọi “Quế Hoa công chúa” và gốc gác họ Hoàng (họ phổ biến ở người Tày, Nùng) của Mẫu ở lần giáng sinh thứ ba lại gợi cho ta mối liên hệ đến truyền thuyết Mẫu Thượng ngàn Mị Nương Quế Hoa con vua Hùng Định Vương.

Như vậy, mặc dù ảnh hưởng của đạo thần tiên của Trung Hoa nhưng ta vẫn nhận thấy nguồn gốc hoa cũng như nguồn gốc nhạc phủ (rừng núi) của Mẫu Liễu Hạnh - vị thần chủ của điện thần tứ phủ xuất hiện muộn ở thế kỉ XVII. Đây là một hiện tượng rất đáng ghi nhận về sự biến đổi điện thần của các tộc người miền núi khi kết tập vào điện thần tứ phủ. Có lẽ từ lí do này mà trong văn tam tòa Thánh Mẫu thì Mẫu Tây Thiên và Mẫu Liễu Hạnh có xu hướng chập làm một, vừa có vai trò kép là Mẫu Thượng thiên (hoặc đệ nhất thiên tiên) lại vừa là Mẫu đệ nhị Thượng ngàn.

- *Về cung sơn trang*: Trong điện thần tứ phủ, cung sơn trang được bài trí dưới nhiều dạng, đơn giản thì chỉ là một bát hương, bên cạnh đặt đồ mã màu xanh hoặc một pho tượng nữ trang phục màu xanh còn đa số ở các đền phủ lớn, cung sơn trang được bài trí dưới dạng hang động, bà chúa thượng ngàn ở giữa, xung quanh có 12 cô sơn trang cùng châu, trên đỉnh hang và xung quanh ở một số nơi còn có thêm các ngôi tháp thờ Phật. Nhiều nơi như ở Phủ Dầy hoặc phủ Tây Hồ, người ta xây riêng cung sơn trang, độc lập hẳn với điện thờ tứ phủ.

Một trong những truyền thuyết sớm nhất về Chúa Thượng ngàn là truyền thuyết về Mị Nương Quế Hoa con gái của Hùng Định Vương (vua Hùng thứ 9) được hoàng hậu sinh ra trong rừng dưới gốc cây quế. Khi lớn lên, công chúa vào rừng tìm mẹ, được ông tiên truyền phép tiên nên biết cách khai sông dòi núi giúp đỡ dân lành, sau khi hoàn thành nhiệm vụ, nàng cùng 12 thị nữ bay về trời, được dân tôn là bà Chúa Thượng ngàn, đền thờ chính ở Suối Mỡ (Bắc Giang)<sup>(19)</sup>. Câu chuyện cho thấy mối liên hệ của tích truyện với tín ngưỡng thờ tiên của nữ giới hiện vẫn còn phổ biến ở người Tày, Nùng ở các tỉnh miền núi vùng Đông Bắc. Chẳng hạn dòng pụt Ngạn ở Cao Bằng là thuộc dòng “sliên tông” (tiên đồng), dòng then Nùng ở Lạng Sơn thuộc dòng “then sliên” (then tiên). Dấu vết thờ tiên hiện vẫn còn tìm thấy ở các ngôi chùa ở Lạng Sơn. Điển hình là chùa Bắc Nga, xã Gia Cát, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn vốn là nơi thờ các tiên nữ trên trời xuống tắm ở con suối trong bản, sau này tích hợp thành chùa thờ phật. Có lẽ vì vậy mà chùa Bắc Nga còn có tên chữ là “Tiên Nga cô tự”. Ở người Tày, tên gọi “tiên nga” thường dùng để chỉ nàng tiên trên cung trăng. Từ những

dẫn liệu trên có thể nhận ra nguồn gốc Tày Thái cổ của tín ngưỡng thờ tiên trong truyền thuyết về cô công chúa con vua Hùng vào rừng học phép tiên sau hóa về trời. Hình tượng cung sơn trang với bà Chúa Thượng ngàn cùng 12 tiên nữ trong điện thần tứ phủ có lẽ là lấy tích truyện này.

Cách hiểu về cung sơn trang ở thanh đồng mỗi địa phương tuy không hoàn toàn giống nhau nhưng đều thống nhất cho rằng cung sơn trang thờ các bà chúa tiên ở miền ngược gọi là “tam tòa chúa bói”, “tam tòa chúa tiên” hoặc “ba vị chúa Mường”. Chẳng hạn, theo quan niệm của các thanh đồng miền xuôi thì cung sơn trang thờ các vị chúa bói, chúa chữa bệnh, vì vậy trong lời khấn nôm của họ có câu: “...Con lạy cửa tam tòa Chúa tiên, Chúa bói, Chúa chữa...”<sup>(20)</sup>.

Theo các thanh đồng ở Lạng Sơn thì cung sơn trang thờ bốn vị Chúa: Chúa đệ nhất Tây Thiên (Tam Đảo, Vĩnh Phúc), Chúa đệ nhị (Chúa Nguyệt Hồ, đền thờ chính ở Bắc Giang), Chúa đệ tam (Chúa Thác Bờ, đền thờ chính ở Thác Bờ, Hòa Bình) và Chúa Ngũ Phương (vị Chúa này giải thích là “chúa đi tu, ít hầu”). Vì quan niệm như vậy nên trong văn khấn nôm của các ông bà đồng ở Hữu Lũng thì cung sơn trang được gọi là “bốn phủ Chúa Bà”, chỉ khấn sau Trần triều: “...Con lạy bốn phủ Chúa Bà: Chúa đệ nhất Tây Thiên, Chúa đệ nhị Nguyệt Hồ, Chúa đệ tam Thác Bờ, Chúa đệ tứ Nam Phương...”<sup>(21)</sup>.

Theo nguồn thông tin thu thập được trên mạng thì cung sơn trang có tới 18 Chúa bói, 12 Chúa chữa nhưng khi hầu đồng chỉ thỉnh ba vị tối thượng gọi là tam vị Chúa Mường là Chúa đệ nhất Tây Thiên (hoặc chúa đệ nhất thượng thiên), Chúa đệ nhị Nguyệt Hồ và Chúa đệ tam Lâm Thao. Như

vậy, có một sự khá thống nhất ở các thanh đồng khi xếp các vị Chúa bói, Chúa chữa bệnh của các tộc người thiểu số nói chung vào cung sơn trang. Thực tế, ba ngôi vị Chúa đệ nhất Tây Thiên, Chúa đệ nhị Nguyệt Hồ và Chúa đệ tam Lâm Thao (hoặc Chúa đệ tam Thác Bờ) là những bà Chúa Thượng ngàn tiêu biểu được thờ tự ở các khu vực Đông Bắc và Tây Bắc thuộc địa bàn cư trú của các tộc người Tày, Thái, Mường ở Việt Nam.

Như vậy, nếu trong điện thần tứ phủ ở miền thượng, Mẫu Tây Thiên có ngôi vị là Mẫu Thượng thiên tức Mẫu Cửu trùng thì trong điện thần tứ phủ ở đồng bằng, Mẫu Tây Thiên vừa là Mẫu Thượng thiên và Mẫu Thượng ngàn trong tam tòa thánh Mẫu lại vừa là Chúa đệ nhất thượng ngàn, một trong ba vị Chúa Mường (Chúa bói, Chúa chữa) ở cung sơn trang. Điều này phản ánh những giai đoạn khác nhau trong sự hình thành điện thần tứ phủ.

Ngoài ra, trong một bản văn “Khao sơn trang” đầy đủ thì cung sơn trang được khao thỉnh gồm bát bộ sơn trang, bà Chúa Thượng ngàn và 12 cô sơn trang. Bản văn này diễn giải cung sơn trang thờ phép thuật của vua Hùng từ thuở Hồng Bàng “Giới truyền phù đạo, cai quản từng phương/ Mới luyện ra học được phép mường/Học đắc đạo thần thông linh nghiệm,...”, đồng thời giải thích “bát bộ sơn trang” là chỉ tám họ thuộc các tộc người thiểu số “Lưu truyền tám tích, chia ở từng phương” gồm “tám họ thích ở cheo leo” là “họ Hoàng họ Ma họ Hà họ Điểu/Cùng họ Nùng họ Thái họ Xá họ Mèo”<sup>(22)</sup>. Ta biết rằng thờ tổ sư của dòng họ là một đối tượng thờ phụng quan trọng của các thầy cúng ở miền núi nói chung. Vậy “bát bộ sơn trang” ở đây có thể hiểu là tổ sư của các dòng họ cúng bái ở miền ngược.

## 2. Sự biến đổi của tín ngưỡng các tộc người thiểu số sau khi tham gia vào điện thần tứ phủ

- *Biến đổi mục đích thờ phụng*: Cho đến nay, về cơ bản, việc thực hành các nghi lễ thờ cúng ở các tộc người thiểu số nói chung vẫn không ngoài mục đích cầu an, giải hạn và chữa bệnh bằng liệu pháp tinh thần. Tuy nhiên, khi tham gia vào điện thần tứ phủ, ngoài ý nghĩa thờ phụng tổ nghề ra thì việc thờ phụng cung sơn trang đã có nhiều biến đổi, thể hiện:

*Thứ nhất*, cung sơn trang với ý nghĩa là tập hợp tín ngưỡng của người miền núi đã được nhìn nhận một cách khái quát là đại diện cho “nhạc phủ” - miền rừng núi mà ở đó bà Mẫu Thượng thiên đồng thời là Mẫu Thượng ngàn trong tam tòa Thánh Mẫu trở thành bà mẹ Trời, mẹ Rừng trong điện thần tứ phủ.

*Thứ hai*, miền rừng núi với quan niệm “tiền rừng, bạc bể” đã trở thành đối tượng cầu tài lộc, thể hiện qua bài văn “Khao sơn trang” dâng lễ 12 cô sơn trang để cầu “mười hai cô lưu lộc thiên xuân thọ trường”<sup>(23)</sup> hoặc trong “Khao cúng sơn trang” của các thầy pháp xin 12 cô sơn trang “Độ cho tài lộc hơn người! Độ cho đệ tử muôn đời vinh hoa”<sup>(24)</sup>.

Cuối cùng, từ ý nghĩa thờ cúng tổ nghề từ thuở sơ khai lập nước cùng với việc kết tập các vị thần linh đất nước, sự xuất hiện cung sơn trang trong điện thần tứ phủ là sự thể hiện ý thức cội nguồn dân tộc, tinh thần đoàn kết của cộng đồng các tộc người Việt Nam.

- *Về sự biến đổi điện thần*: So với điện thần tứ phủ thì điện thần của các thầy cúng miền ngược đơn giản hơn rất nhiều, dù đó là điện thần thô sơ của các bà một người Thái, các bà mỗi người Mường hay điện

thần đã có sự giao lưu với văn hóa Hán của các sliên, then, pụt người Tày, Nùng. Cho đến nay, chưa có trường hợp các thầy cúng miền ngược đặt tượng thờ trong điện thần.

Ở người Tày do có sự giao lưu xuôi ngược mà có nhiều biểu hiện thờ cúng Mẫu Thượng ngàn và “Thập nhị tiên nàng” tương tự như ở người Kinh. Đó là sự thu nạp các yếu tố du nhập coi mẹ Hoa là bà mẹ sinh ra Phật tổ (Xích Ca), là mẹ của tiên (Xích đế), mẹ sinh sản (Hoa Vương) và mẹ Phật xứ Tây Trúc (Ấn Độ trong then ở Quảng Uyên, Cao Bằng<sup>(25)</sup>). Cụ thể hơn, ở dòng họ Nông người Tày ở các xã Phú Lạc (huyện Đại Từ) và xã Phú Lý (huyện Phú Lương), tỉnh Thái Nguyên hiện vẫn giữ được ban thờ tổ nghề cúng của dòng họ gồm thờ tổ sư và thờ “Thập nhị tiên nàng” mà theo giải thích là thờ các nàng tiên trên cung trăng xuống trần vào đêm rằm tháng tám<sup>(26)</sup>.

Một biểu hiện nữa là trong lễ hội Nàng Hai (Nàng Trăng) một lễ hội shaman cầu mùa của người Tày ở huyện Phục Hòa, tỉnh Cao Bằng, các mẹ Trăng (mẹ Nàng Hai) được đồng nhất với mẹ Hoa quản về sự sinh sôi phát triển của nghề nông. Các mẹ Trăng ở đây có khi được hình dung thành 12 mẹ trăng với các tên gọi theo tiếng bản tộc như: Mẹ Hai Ké Mẹ Tàng, Mẹ Mụ Lãng Mẹ Há, Mẹ Mì Ý Mẹ Tàng, Mẹ Ón Én Mẹ Tàng, v.v... hoặc có khi các mẹ được gắn với việc cai quản các công việc của nghề nông như: mẹ Lạn Ba trông coi cửa nước mừng trăng, mẹ Khắc Cơ giữ con giống, mẹ Lượng Tầm cấp giống tằm, mẹ Mạ Mi nhốt sâu bọ, v.v...<sup>(27)</sup>.

Liên quan đến lễ hội Nàng Trăng, ở người Mường có trò chơi “gọi nàng Sọt” dưới hình thức phụ nữ múa hát gọi hồn nàng Trăng nhập vào chiếc sọt để bói nhân

duyên. Đây là hình thức tương tự như lễ hội Nàng Hai ở xã Nam Quang, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng<sup>(28)</sup>. Theo sách *Địa chí Hòa Bình* thì trò “gọi nàng Sọt” vốn là trò chơi của người Mường “thâm nhập vào cộng đồng người Thái ở Mai Châu hàng trăm năm, trở thành trò chơi dân gian, tín ngưỡng của người Thái ở Mai Châu”<sup>(29)</sup>. Sự xuất hiện các hình thức lễ hội Nàng Hai ở Cao Bằng khiến chúng tôi ngờ rằng từng có một quá trình Tày hóa trò chơi gọi nàng Trăng cũng như quan niệm bà mẹ nguyệt ở gốc cây si trên cung trăng của người Kinh gốc Mường ở vùng người Tày.

Có thể thấy từ bà mẹ nguyệt trên cây si trên cung trăng của người Mường đến 12 bà mẹ trăng trong lễ hội cầu mùa của người Tày ở Cao Bằng là quá trình biến đổi từ tín ngưỡng thờ bà mẹ sinh sản của người Mường/Kinh sang tín ngưỡng thờ bà mẹ nông nghiệp với sự tham gia của các thầy cúng đồng thời là các thầy nho bình dân người Tày gốc Kinh mà ban thờ “thập nhị tiên nàng” của dòng họ Nông ở khu vực Đại Từ, Phú Lương tỉnh Thái Nguyên là một dẫn liệu.

Như vậy, cung sơn trang thờ bà Chúa Thượng ngàn với 12 cô sơn trang trong điện thần tứ phủ chính là sự quy tụ và mô hình hóa điện thờ tiên, thờ trăng, thờ mẹ Hoa của các thầy cúng miền ngược.

- *Biến đổi cách thức hành lễ*: Ở các tộc người thiểu số thường quan niệm các vị thần linh ngự ở các cung phủ khác nhau ở mừng Đất, mừng Nước (dưới mừng Đất) và trên mừng Trời, muốn cầu xin các vị thần linh thì người thầy cúng phải “xuất hồn” mang lễ vật đến gặp gỡ, giao tiếp trực tiếp với các vị thần linh, chỉ ở những trường hợp đại lễ người ta mới thực hiện nghi thức



nhập đồng các tổ nghề, tướng nghề hoặc tổ sư. Khi gia nhập vào điện thần tứ phủ, người ta chỉ giữ lại hình thức mời thần giáng đồng. Do vậy, trong nghi lễ hầu đồng của người Kinh, thay vì lên mừng Trời gặp gỡ các vị thần linh như ở các tộc người thiểu số thì họ lại lần lượt mời các vị đó xuống nhập đồng, từ các giá chúa, giá châu đến giá các cô sơn trang, ngoài ra còn có thêm giá cậu với các tính cách khác nhau được thể hiện trong văn châu. Nhìn chung, các giá hầu các nhân vật miền ngược thường nhập đồng vui nhộn, múa hát và phát lộc tung bồng gây không khí sôi động cho buổi lễ. Qua quan sát giá đồng các vị chúa Mừng trong nghi lễ hầu đồng của người Kinh, chúng tôi thấy có sự tương đồng với các vị tổ nghề được mời nhập đồng trong các đại lễ của các bà mối người Mừng, các bà một người Thái, các bà sliên (tiên), then, put ở người Tày, Nùng.

- *Sự biến đổi lễ vật*: Một điểm chung trong lễ vật cúng sơn trang ở người Kinh và ở các tộc người thiểu số là đều phải có đồ mã. Tuy nhiên, đồ mã ở các tộc người thiểu số thường đơn giản, do thầy và gia đình cùng làm. Đó chỉ là những hình nhân, ngựa và những bộ quần áo nhỏ cắt bằng giấy màu, những chiếc thuyền đẽo bằng gỗ hoặc các ngôi lầu bằng gọng chuối để dâng mẹ Hoa. Ở người Kinh, mã sơn trang được làm cầu kì từ hình nhân đến ngựa, thuyền và tòa sơn trang. Riêng lễ vật trong mâm cúng sơn trang của các tộc người thiểu số thì giữ nguyên các món ăn miền ngược như cơm nếp cẩm, đậu phụ nướng, măng luộc, măng muối, khế chua thái hoa hoi, bún. Tuy nhiên, sự biến đổi là thể hiện ở các loại thủy sản theo cơ số 13 như: cua (1 cua bể, 12 cua đồng), tôm 13 con, ốc nhồi 13 con, cá mắm 13 con...

### 3. Kết luận

Những năm gần đây, các tác giả thuộc các lĩnh vực nghiên cứu như dân tộc học, địa danh học (Cầm Trọng, Hoàng Lương), lịch sử và khảo cổ học (Trần Quốc Vượng), ngôn ngữ học (Phạm Đức Dương), văn học dân gian (Đặng Việt Bích)... đã lần lượt đưa ra những kết quả chứng minh rằng trong quá khứ, từng có bộ phận tộc người nói tiếng Thái tham gia vào quá trình hình thành lịch sử đất nước. Từ góc độ tôn giáo, tín ngưỡng, nghiên cứu này nhằm góp thêm một tư liệu cho việc nghiên cứu lịch sử văn hóa của người Việt cổ.

Điện thần tứ phủ là sự kết tập và thống nhất bách thần trong thiên hạ dưới hình thức thờ cúng tổ nghề mà sự xuất hiện Mẫu Thượng ngàn và cung sơn trang trong điện thần là một minh chứng cho ý thức tiếp nối truyền thống từ cội nguồn lịch sử dân tộc.

Sự tham gia tín ngưỡng các tộc người thiểu số vào điện thần tứ phủ là thể hiện quá trình giao lưu tiếp biến văn hóa của các tộc người dưới sự tác động của các yếu tố lịch sử xã hội. Đó là quá trình đã có sự tiếp thu, biến đổi và lan tỏa để thích ứng với điều kiện sống của mỗi tộc người ở các vùng miền khác nhau trên đất nước ta.

Từ bà Mè Bióc (mẹ Hoa) - Hoa vương Thánh Mẫu của các tộc người thiểu số chủ về việc sinh sản và chữa bệnh đến Mẫu Thượng thiên rồi Thiên tiên Thánh Mẫu trong điện thần tứ phủ, đó là cả một quá trình nỗ lực của ông cha ta trong suốt chiều dài lịch sử của dân tộc nhằm đi đến một sự hòa hợp và thống nhất dân tộc về mặt tư tưởng và văn hóa. Điều đó không chỉ thể hiện qua điện thần, qua quan niệm thờ cúng mà còn được thể hiện một cách đặc sắc qua diễn xướng hầu đồng của người Kinh. □

## CHÚ THÍCH

\* Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia (NAFOSTED) trong đề tài "Biến đổi đời sống tôn giáo tín ngưỡng của một số tộc người ở nông thôn miền núi Tây Bắc Việt Nam hiện nay" Mã số: VIII.1.99-2010.02.

(1) Tư liệu do của thanh đồng Vinh, xóm Tân Thành, xã Đồng Tâm, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn cung cấp.

(2) Ngô Đức Thịnh (2010), *Đạo mẫu Việt Nam*, Nxb. Tôn giáo, tr. 609.

(3) Ngô Đức Thịnh (2010), sđd, tr. 611.

(4) Xem Nguyễn Thị Yên (2009), *Tín ngưỡng dân gian Tày, Nùng*, Nxb. Khoa học xã hội, tr. 89 - 90.

(5) Xem Nguyễn Thị Yên (2010), "Sự hình thành tục thờ Quốc Mẫu ở Tây Thiên ở Tam Đảo, Vĩnh Phúc", *Ki yếu hội thảo Văn hóa thờ nữ thần - mẫu thần ở Việt Nam và châu Á, Bản sắc và giá trị*, Nxb. Thế giới, xuất bản năm 2013, tr. 284 - 287.

(6) Nguyễn Thị Yên (2007), *Then Tày*, Nxb. Khoa học xã hội, tr. 181 -198.

(7) Nguyễn Thị Yên (2007), sđd, tr. 462, 635.

(8) Nguyễn Thị Yên (2007), sđd, sơ đồ tr. 302 và Nguyễn Thị Yên (2009), sđd, bài "Lễ chữa bệnh của người Tày", tr. 645 - 682.

(9) Cầm Trọng (2005), *Những hiểu biết về người Thái ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, tr. 21 - 22; GS. Trần Quốc Vượng và Cầm Trọng (2006), "Sự tham gia của văn hóa Thái vào sự hình thành và phát triển văn hóa Việt Nam", sách *Đóng góp của các dân tộc nhóm ngôn ngữ Tày - Thái trong tiến trình lịch sử Việt Nam*, *Ki yếu hội thảo Thái học*, Nxb. Đại học quốc gia Hà Nội, tr. 41 - 53.

(10) Nguyễn Thị Yên (2007), sđd, tr. 55 - 60 và Nguyễn Thị Yên (2009), sđd, tr. 195 - 198.

(11) Nguyễn Thị Yên (2008), "Dấu ấn cổ sơ trong các hình thức cúng bái Then - Pụt của người

Tày, Nùng", *Tạp chí Nghiên cứu tôn giáo*, số 2, tr. 53 - 58.

(12) Xem Nguyễn Thị Yên (2010), sđd, tr. 287.

(13) Nguyễn Phúc Giác Hải (2009), *Nguyễn Đức Cẩn - nhà văn hóa tâm linh*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, tr. 14.

(14) Ví dụ trang mạng saigontoserco.com.

(15) Ngô Đức Thịnh (2010), sđd, tr. 613.

(16) Ngô Đức Thịnh (2010), sđd, tr. 615.

(17) Ngô Đức Thịnh (2010), sđd, các bản văn châu mẫu đệ nhị: "Địa tiên thánh mẫu", tr. 616; "Cảnh thư đường văn", tr. 619; "Mẫu Sòng văn", tr. 623; "Văn mẫu Phù Dầy", tr. 625; "Thánh mẫu ca đàn văn", tr. 630.

(18) Ngô Đức Thịnh (2010), sđd, tr. 634.

(19) Ngô Đức Thịnh (2010), sđd, tr. 66 - 67.

(20) Trích bài khấn của thanh đồng Hoàn ở Phù Bồng, Nam Định.

(21) Trích bài khấn của thanh đồng Vinh, xóm Tân Thành, xã Đồng Tâm, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

(22) Nguồn tư liệu trên mạng: taythienvong.blogspot.com.

(23) Ngô Đức Thịnh (2010), sđd, tr. 698.

(24) Tư liệu trên mạng: <http://www.dongaphu.vn/2011/08/khoa-cung-son-trang.html>.

(25) Nguyễn Thị Yên (2007), sđd, tr. 618 - 619.

(26) Tư liệu do ông Nông Hồng Sơn viết Dân tộc, Ủy ban dân tộc miền núi cung cấp.

(27) Xem Nguyễn Thị Yên (2003), *Lễ hộ nàng Hai của người Tày Cao Bằng*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, tr. 70 - 71.

(28) Xem thêm Nguyễn Thị Yên (2003), sđd tr. 32 - 41.

(29) Tỉnh ủy - Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình (2005), *Địa chí Hòa Bình*, Nxb. Chính trị quốc gia, tr. 720 - 721.